

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Văn hóa và Thể thao được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 5793/TTr-STP ngày 14 tháng 7 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 26 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Danh mục và Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố trước đây.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- TT/TU; TT/HĐND.TP; TT/UBND.TP;
- UBMTTQVN TP và các thành viên (6);
- VPUB: CPVP; Các phòng NC-TH;
- Sở Tư pháp (P. Kiểm soát TTHC);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- TT Công báo TP; TT Tin học TP;
- Lưu: VT (CCHC/Đ). 33.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Phong



**TƯC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Văn hoá và Thể thao**

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực thể thao	
1.	Thủ tục trang bị vũ khí thể thao
2.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp
3.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao
4.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động billards & snooker
5.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình
6.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển
7.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động vũ đạo giải trí
8.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn
9.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao
10.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam
11.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt
12.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ
13.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ
14.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động tập luyện quyền anh
15.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo
16.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao
17.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp

	kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karatedo
18.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng
19.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo
20.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá
21.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn
22.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông
23.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin
24.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lặn biển giải trí.
25.	Thủ tục đăng cai tổ chức Giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực thể thao	
1.	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá và Thể thao

Lĩnh vực Thể thao

1. Thủ tục trang bị vũ khí thể thao

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Cơ quan, tổ chức ở địa phương đề nghị trang bị vũ khí thể thao gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Sở Văn hoá và Thể thao tiếp nhận và trình Ủy ban nhân dân Thành phố. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị trang bị vũ khí thể thao, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có báo cáo đề xuất bằng văn bản về trang bị vũ khí thể thao, trong đó nêu rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý trang bị, số lượng, chủng loại vũ khí thể thao cần trang bị cho cơ quan, tổ chức và gửi hồ sơ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– Bước 4: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc trang bị vũ khí thể thao cho cơ quan, tổ chức ở Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định.

– Bước 5: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Tổng cục Thể dục thể thao trình báo cáo đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố về trang bị vũ khí thể thao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải xem xét, quyết định cho phép trang bị vũ khí thể thao, trong đó ghi rõ số lượng, chủng loại, ký hiệu, số hiệu của từng vũ khí thể thao; trường hợp không đồng ý trang bị phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

– Bước 6: Cơ quan, tổ chức ở địa phương căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Quyết định thành lập tổ chức, đơn vị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đối với cơ sở thể thao hoạt động theo loại hình doanh nghiệp phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Văn bản đề nghị trang bị vũ khí thể thao của các đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Dân quân tự vệ; Câu lạc bộ, trường, trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao; Trung tâm giáo dục quốc phòng – an ninh phải có phê duyệt của cơ quan trực tiếp quản lý, trong đó ghi rõ số lượng, chủng loại vũ khí thể thao đã được trang bị và cần trang bị thêm.

Đối với tổ chức khác có nhu cầu trang bị vũ khí thể thao để luyện tập, thi đấu thể thao được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập, cấp phép hoạt động thì trong văn bản đề nghị phải nêu rõ nhu cầu, mục đích, số lượng, chủng loại vũ khí thể thao cần trang bị và phải được sự đồng ý của cơ quan chủ quản cấp trên.

– Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

– Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị trang bị vũ khí thể thao, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có báo cáo đề xuất bằng văn bản về trang bị vũ khí thể thao, trong đó nêu rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý trang bị, số lượng, chủng loại vũ khí thể thao cần trang bị cho cơ quan, tổ chức và gửi hồ sơ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc trang bị vũ khí thể thao cho cơ quan, tổ chức ở Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định.

– Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Tổng cục Thể dục thể thao trình báo cáo đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố về trang bị vũ khí thể thao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải xem xét, quyết định cho phép trang bị vũ khí thể thao, trong đó ghi rõ số lượng, chủng loại, ký hiệu, số hiệu của từng vũ khí thể thao; trường hợp không đồng ý trang bị phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức ở địa phương.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính: Sở Văn hoá và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trang bị vũ khí thể thao hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Pháp lệnh số: 16/2011/UBTVQH12 ngày 30 tháng 06 năm 2011 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 30 tháng 6 năm 2011. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

– Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 5 năm 2012.

– Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Công an quy định trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí thể thao trong tập luyện và thi đấu thể thao. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2013.

2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

– Bước 4: Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);
- + Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:
- Đội ngũ cán bộ, nhân viên thể thao đáp ứng yêu cầu của hoạt động thể thao chuyên nghiệp.
- Vận động viên chuyên nghiệp, huấn luyện viên chuyên nghiệp.
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với hoạt động thể thao chuyên nghiệp.
- Nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động của câu lạc bộ.
- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên thể thao đáp ứng yêu cầu của hoạt động thể thao chuyên nghiệp.

+ Có vận động viên chuyên nghiệp, huấn luyện viên chuyên nghiệp.

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với hoạt động thể thao chuyên nghiệp.

+ Có nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động của câu lạc bộ.

– Huấn luyện viên thể thao chuyên nghiệp là người được chứng nhận chuyên môn về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng chỉ chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

– Bác sĩ, nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do cơ quan có thẩm quyền cấp.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

– Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-

CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN...

....., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại:Fax:
Website:Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính:Chức danh:
Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

- + Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- + Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- + Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

– Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GCN...

....., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại:Fax:
Website:Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính:Chức danh:
Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động billards & snooker

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời gian giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất:**

+ Khu vực đặt bàn phải được bố trí trong khuôn viên có mái che.

+ Mỗi bàn được đặt có khoảng cách tối thiểu tính từ thành bàn tới tường là 1,5m. Trong trường hợp có từ 02 bàn trở lên, khoảng cách các bàn với nhau tối thiểu là 1,2m.

+ Ánh sáng: Độ sáng tới các điểm trên mặt bàn và thành băng tối thiểu từ 300Lux.

+ Đèn chiếu sáng: Trường hợp đèn được thiết kế cho mỗi bàn thì độ cao của đèn tính từ mặt bàn trở lên ít nhất là 1m.

+ Phải có phòng vệ sinh, tủ thuốc sơ cấp cứu phục vụ cho người đến tập luyện; bảng nội quy quy định giờ sinh hoạt tập luyện, không được tổ chức đánh bạc dưới mọi hình thức, không hút thuốc, uống rượu bia.

+ Nơi hoạt động phải thoáng mát, nếu trang bị máy lạnh thì cửa ra vào không được sử dụng kính màu hoặc che chắn, bảo đảm nhìn thấy được toàn bộ bên trong phòng.

– **Về dụng cụ, trang thiết bị:**

+Bàn: Bao gồm các loại bàn snooker, bàn carom, bàn pool dựa trên các tiêu chuẩn chung của quốc tế về từng loại bàn. Cụ thể:

- Bàn snooker: Kích thước lòng bàn 3,569m - 1,778m +/- 13mm. Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt băng 85 - 88mm.

- Bàn pool: Kích thước lòng bàn 2,54m - 1,27m +/- 3mm. Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt băng 74mm - 79mm.

- Bàn carom: Kích thước lòng bàn lớn 2,84m - 1,42m +/- 5mm, kích thước lòng bàn nhỏ 2,54m - 1,27m +/- 5mm. Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt băng 75mm - 80mm.

+Vải bàn: Các loại bàn phải được trải các tấm vải theo đúng chủng loại.

+ Bi: Bi sử dụng dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế theo chủng loại bàn.

+ Các trang thiết bị khác: Cơ sở kinh doanh cung cấp các loại cơ, cầu nối, lơ, giá đỡ cơ, bảng ghi điểm.

– **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn:**

Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

+ Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

+ Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

– Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

– Thông tư số 15/2010/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động billiards & snooker. Có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 02 năm 2011.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

5. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất:**

+ Địa điểm tập luyện môn thể dục thể hình phải có mái che, diện tích từ 60m² trở lên; khoảng cách giữa các thiết bị tập luyện thể dục thể hình từ 1m trở lên;

+ Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt, không biến dạng;

+ Có hệ thống chiếu sáng độ rọi từ 150Lux trở lên;

+ Có hệ thống thông gió đảm bảo thông thoáng;

+ Có âm thanh, tiếng ồn không vượt quá 90dBA;

+ Có tủ thuốc sơ cấp cứu, khu vực thay đồ và gửi quần áo, vệ sinh, để xe;

+ Bảng nội quy quy định giờ tập luyện, các quy định bảo đảm an toàn khi tập luyện, không hút thuốc, uống rượu, bia;

+ Đảm bảo thời gian hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định.

– **Về dụng cụ, trang thiết bị:**

+ Trang thiết bị tập luyện phải có giấy chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, bảo đảm đáp ứng được yêu cầu tập luyện của người tập, không gây nguy hiểm, không gây các biến đổi không tốt cho sự phát triển của cơ thể người tập.

– **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn:**

Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

+ Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

+ Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

– Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại:Fax:
Website:Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính:Chức danh:
Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

6. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển:

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời gian giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

- + Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- + Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- + Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về vùng hoạt động mô tô nước**

+ Vùng hoạt động mô tô nước là vùng mặt nước được xác định bằng tọa độ trên hải đồ và hệ thống phao tiêu hoặc cờ được định vị phù hợp với quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

+ Vùng hoạt động mô tô nước ven biển phải bảo đảm các điều kiện sau:

- Có độ sâu tối thiểu 2m, không có đá ngầm, không có rạn san hô;
- Khoảng cách từ mép nước của bờ biển đến giới hạn ngoài của vùng hoạt động tối đa là 650m, đến giới hạn trong của vùng hoạt động tối thiểu là 60m.

– **Về bảng khuyến cáo và bảng nội quy hoạt động**

Bảng khuyến cáo và bảng nội quy hoạt động phải đặt ở những vị trí thích hợp, dễ nhận biết. Nội dung chủ yếu của bảng khuyến cáo và bảng nội quy hoạt động gồm:

+ Người tắm biển, người đang thực hiện các công tác trên biển tuyệt đối không được vào vùng có phương tiện hoạt động, hoặc đu bám hệ thống cờ, phao

neo giới hạn an toàn (trừ nhân viên đang thừa hành nhiệm vụ và thực hiện công tác cứu nạn trên biển);

- + Người tham gia vào hoạt động thể thao mô tô nước phải mặc áo phao, biết bơi, không mắc các bệnh về tim mạch, huyết áp, hô hấp;

- + Không được uống rượu, bia và sử dụng các chất kích thích khác khi tham gia các hoạt động thể thao mô tô nước;

- + Không được điều khiển các phương tiện ra khỏi vùng hoạt động cho phép đã có cờ, phao neo.

- **Về bến bãi neo đậu**

- + Phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- + Phải có hệ thống tiếp nhận dầu thải từ các phương tiện khi hoạt động trên biển.

- + Vị trí cửa ra vào của mỗi bến bãi neo đậu phương tiện phải cách nhau ít nhất là 250m; cửa ra vào bến bãi neo đậu của phương tiện phải có chiều rộng tối thiểu là 6m.

- **Về phao neo, cờ**

- + Phao neo, cờ có màu sắc tương phản với màu nước và cảnh quan môi trường để dễ quan sát, phù hợp theo Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam (22TCN 269 – 2000) ban hành theo Quyết định số 4099/2000/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2000 của Bộ Giao thông Vận tải.

- + Chất liệu được sử dụng làm phao neo phải là các chất liệu không gây ô nhiễm môi trường biển.

- + Phao neo, cờ có kích thước như sau:

- Đường kính phao tiêu ít nhất là 30cm, kích thước cờ từ 30 x 40cm trở lên;

- Khoảng cách giữa các cờ hoặc phao tiêu không quá 10m.

- **Về trang thiết bị tập luyện**

- + Động cơ của mô tô nước phải có công suất (tính bằng sức ngựa) phù hợp với thiết kế kỹ thuật của phương tiện, khi hoạt động không gây tiếng ồn làm ảnh hưởng đến khu vực nghỉ dưỡng, viện nghiên cứu, trường học, khu dân cư.

- + Mô tô nước khi đưa vào hoạt động phải có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- + Mô tô nước không được thải nước làm mát động cơ có nồng độ dầu vượt quá 05mg/lít (Theo TCVN 5945:2005 - Nước thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải ban hành theo Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường); có các thiết bị ngăn ngừa việc rơi vãi xăng, dầu, dầu thải xuống biển.

- + Mô tô nước phải được kiểm tra định kỳ về chất lượng an toàn kỹ thuật, an toàn môi trường theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- **Về thông tin liên lạc và an toàn cứu nạn:**

- + Thông tin liên lạc: Cơ sở thể thao phải trang bị hệ thống thông tin đảm bảo yêu cầu liên lạc từ Bộ phận Điều hành và cứu hộ đến các vùng hoạt động thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở thể thao.

- + An toàn cứu nạn:
 - Cơ sở thể thao phải có trạm quan sát bảo đảm quan sát được toàn bộ vùng hoạt động thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở.
 - Cơ sở thể thao phải có ca nô cứu hộ, phao cứu sinh (ít nhất là 05 phao), áo phao (ít nhất 02 áo phao/ 01 Mô tô nước).
 - Người tham gia hoạt động phải mặc áo phao và phải được hướng dẫn sử dụng thành thạo phao cứu sinh. Những người không biết sử dụng hoặc sử dụng không thành thạo mô tô nước phải có huấn luyện viên hoặc hướng dẫn viên đi kèm để điều khiển, hỗ trợ.
 - Phải bố trí nhân viên y tế thường trực và có phương án khắc phục sự cố, tai nạn xảy ra.

– **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn:**

- + Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

- Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

- Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

- + Nhân viên cứu hộ phải có giấy chứng nhận về khả năng bơi cứu hộ 400 m trở lên, do Tổng cục Thể dục thể thao hoặc Hiệp hội Thể thao dưới nước Việt Nam cấp hoặc công nhận.

- + Người hướng dẫn tập luyện, nhân viên cứu hộ phải được khám sức khỏe theo quy định trước khi tham gia hoạt động và phải tái khám định kỳ 6 tháng một lần.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

- Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

- Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

- Thông tư số 17/2010/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở

thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển. Có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 02 năm 2011.

– Thông tư 19/2014/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL, Thông tư số 17/2010/TT-BVHTTDL, Thông tư số 03/2013/TT-BVHTTDL. Có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 02 năm 2015.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại:Fax:
Website:Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính:Chức danh:
Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

7. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động vũ đạo giải trí

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, Lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất:**

+ Địa điểm tổ chức hoạt động võ đạo giải trí đảm bảo các điều kiện sau:

• Địa điểm tập luyện môn võ đạo giải trí phải có mái che, diện tích từ 30m² trở lên;

• Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt, không biến dạng;

• Có hệ thống cách âm đảm bảo âm thanh vang ra ngoài địa điểm hoạt động không vượt quá quy định của nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép;

• Có hệ thống chiếu sáng đảm bảo độ rọi từ 150Lux trở lên.

+ Phải có phòng vệ sinh, tủ thuốc sơ cấp cứu phục vụ cho người đến tập luyện.

+ Đảm bảo thời gian hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định.

– **Về trang thiết bị:**

+ Phải có bố trí trang thiết bị cho người tập, bao gồm: tấm lót khuỷ tay, tấm lót đầu gối, mũ đội đầu.

+ Bảng nội quy quy định giờ sinh hoạt tập luyện, không được tổ chức đánh bạc dưới mọi hình thức, không hút thuốc, uống rượu, bia.

– **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn:**

Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

- Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

- Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

- Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

- Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

- Thông tư số 01/2011/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 02 năm 2011.

- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN...

....., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

8. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời gian giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất:**

+ Bể bơi:

• Kích thước: Bể bơi được xây dựng có kích thước tối thiểu 8m x18m hoặc có diện tích tương đương;

• Đáy bể có độ dốc đều, không gập khúc, chênh lệch độ sâu không quá 1m đối với bể bơi có chiều dài trên 25m hoặc không quá 0,5m đối với bể bơi có chiều dài đến 25m;

• Thành bể, đáy bể sạch, gạch lát nền không nứt vỡ. Đối với bể nhảy cầu, đáy phải màu trắng.

+ Bục nhảy:

• Chỉ được lắp bục xuất phát bơi đối với bể bơi có độ sâu tối thiểu 1,35m;

• Đối với bể nhảy cầu, chiều sâu của bể ít nhất bằng nửa chiều cao tính từ mặt nước đến vị trí đặt bục nhảy.

+ Sàn: Sàn xung quanh bể bơi (kể cả khu vực vệ sinh và tắm tráng) phải phẳng không đọng nước, đảm bảo không trơn trượt.

+ Bồn nhúng chân:

- Bồn nhúng chân đặt tại vị trí trước khi người tập xuống bể;
- Chiều sâu bồn nhúng chân từ 0,15m - 0,2m; Lát gạch tráng men và đủ nước, độ trong và độ clo dư tốt.
- + Có nhà tắm, nhà vệ sinh và phòng thay đồ.
- + Âm thanh, ánh sáng:
 - Âm thanh: Bể bơi phải có hệ thống âm thanh đủ công suất đảm bảo mọi khu vực trên mặt bể đều có thể nghe rõ những thông báo cần thiết;
 - Ánh sáng: Bể bơi hoạt động phải có hệ thống ánh sáng không nhỏ hơn 300Lux ở mọi địa điểm trên mặt bể bơi. Khuyến khích có hệ thống đèn chiếu sáng dưới lòng bể.
- + Tiêu chuẩn về nước:
 - Đảm bảo thay nước, cọ rửa và khử trùng nước theo quy định, ít nhất 1 lần/tuần nếu bể bơi dùng nước giếng khoan, không có hệ thống lọc tuần hoàn và xử lý bằng hóa chất.
 - Đối với các bể bơi có hệ thống lọc tuần hoàn thì tối thiểu 1 lần/ngày phải làm vệ sinh thành bể và hút cặn, bơm bù đủ nước.
 - Nước bể bơi đáp ứng được chỉ tiêu chất lượng nước sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN02:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các chỉ số cụ thể sau:

Thông số	Các chỉ tiêu cần đạt	Ghi chú
Độ trong	Từ 25 độ Sneller trở lên	Nhìn thấy đáy bể bơi
Độ màu	Không lớn hơn 5 - 6 đơn vị trong thang màu cơ bản	Cho bể ngoài trời
	Không lớn hơn 2 đơn vị trong thang màu cơ bản	Cho bể trong nhà
Hàm lượng chất rắn đục	Không lớn hơn 2 mg/l	Cho bể ngoài trời
	Không lớn hơn 1 mg/l	Cho bể trong nhà
Độ pH	7,3 - 7,6	
Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	500 mg/l	
Clorua	Không lớn hơn 0,5 mg/l	
Amoniac	Không lớn hơn 0,5 mg/l	

Các chỉ số trên phải được kiểm tra ít nhất 01 lần/ngày, lưu mẫu nước (500 ml) mỗi lần kiểm tra tối thiểu 05 ngày. Tài liệu mỗi lần kiểm tra phải lưu hồ sơ và cung cấp khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

+ Y tế:

- Có phòng y tế, có giường nghỉ cho người bị mệt và cấp cứu, có đủ cơ số thuốc cấp cứu, dụng cụ cấp cứu ngạt nước;
- Đăng ký liên kết cấp cứu với cơ sở y tế gần nhất;
- Tổ chức nhỏ thuốc mắt, mũi, lau khô tai cho những người tham gia tập luyện trước khi rời khỏi bể bơi.

+ Mật độ: 01 người/m² ở khu vực nước nông (độ sâu dưới 1,0m) hoặc 01 người/2m² ở khu vực nước sâu (độ sâu từ 1,0m trở lên).

+ Đảm bảo các quy định về thời gian hoạt động, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định.

– **Về trang thiết bị:**

+ Dây phao:

• Dây phao dọc: Được căng dọc theo đường bơi cho các bể bơi có độ sâu từ 1,40m trở lên dùng cho các đối tượng đã biết bơi;

• Dây phao ngang: Được căng ngang bể bơi để chia khu vực có độ sâu từ 1m trở xuống cho người chưa biết bơi ngăn với khu vực có độ sâu hơn 1m đối với bể bơi có độ sâu khác nhau.

+ Trang bị cứu hộ:

• Sào cứu hộ: Mỗi bể bơi phải có ít nhất 06 sào cứu hộ dài 2,50m, sào cứu hộ được sơn màu đỏ - trắng, được đặt ở các vị trí thuận lợi trên thành bể để phát hiện dễ khi cần mọi người đều có thể sử dụng;

• Phao cứu sinh: Mỗi bể bơi phải có ít nhất 06 chiếc phao cứu sinh được đặt ở vị trí thuận lợi, dễ nhìn thấy;

• Ghế: Ghế cứu hộ phải có chiều cao ít nhất 1,50m (tính từ mặt bể), được đặt ở hai bên thành bể để đảm bảo vị trí quan sát thuận lợi cho nhân viên cứu hộ.

+ Bảng biểu:

• Bảng nội quy: Mỗi bể bơi phải có bảng nội quy đặt ở vị trí dễ đọc, dễ xem. Nội dung nội quy phải quy định rõ trách nhiệm của cơ sở thể thao hoạt động bơi, lặn; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tập luyện; quy định khuyến cáo những người không nên tham gia bơi, lặn như: người mắc các bệnh truyền nhiễm có khả năng lây truyền qua tiếp xúc với nước bể bơi, người mắc các bệnh có nguy cơ cao dễ gây tai biến ảnh hưởng đến sức khỏe theo chỉ định của bác sĩ, người uống rượu, ăn no, vừa làm việc quá mệt hoặc phơi ngoài nắng lâu; những người không được tham gia bơi, lặn; quy định về trang phục đối với người tập và các nhân viên làm việc tại bể bơi;

• Biển báo: Trong khu vực bể bơi phải có đầy đủ các bảng báo hiệu đặt ở các hướng khác nhau và ở vị trí thuận lợi nhất cho việc quan sát và chỉ dẫn người sử dụng bể bơi;

• Bảng báo hiệu khu vực dành cho người không biết bơi (có độ sâu từ 1m trở xuống) đặt trên thành bể sát khu vực cần khuyến cáo;

- Bảng cấm: Thông báo cấm các hành vi như nhảy chúi cấm đầu ở khu vực bể bơi có độ sâu ít hơn 1,40m;

- Biển báo khác: Có các bảng thông báo nguy hiểm; độ sâu nguy hiểm, khu vực dành cho những người biết bơi, có độ sâu từ 1,50m; khu vực hạn chế đi lại, khu vực ưu tiên dành cho người khuyết tật, người già yếu; các bảng đề nghị giữ vệ sinh chung, tắm sạch trước khi xuống bể bơi.

- **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn**

- + Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

- Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

- Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

- + Nhân viên cứu hộ:

- Điều kiện:

Phải đảm bảo có nhân viên cứu hộ thường trực khi có người tham gia tập luyện; Số lượng nhân viên cứu hộ phải đảm bảo tỷ lệ 200m² bể bơi/nhân viên hoặc khi có đông người tham gia tập luyện phải đảm bảo tỷ lệ 50 người bơi/nhân viên; Nhân viên cứu hộ phải có chứng nhận chuyên môn cứu hộ do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Hiệp hội thể thao dưới nước Việt Nam cấp.

- Yêu cầu đối với nhân viên cứu hộ:

Nhân viên cứu hộ luôn ở tư thế sẵn sàng cứu hộ; Có trách nhiệm thường xuyên nhắc nhở người bơi thực hiện tốt nội quy của bể bơi về đảm bảo an toàn; Chọn vị trí ngồi không bị ngược sáng để quan sát, giám sát chặt chẽ khu vực được phân công; Phát hiện kịp thời mọi hiện tượng có biểu hiện đuối nước, tổ chức cứu hộ kịp thời và thông báo ngay với nhân viên y tế và cơ sở y tế gần nhất.

- + Mỗi hướng dẫn viên chỉ được hướng dẫn tập luyện cho không quá 20 người đối với trẻ em dưới 10 tuổi, không quá 30 người trong một giờ học.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

- Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

- Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực

hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

– Thông tư số 02/2011/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn. Có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 02 năm 2011.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại:Fax:
Website:Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính:Chức danh:
Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

9. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời gian giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất:**

+ Kích thước:

▪ Sàn gỗ khiêu vũ có kích thước ít nhất là 08m x 11m;

▪ Khoảng cách từ sàn nhà đến trần ít nhất là 03m

+ Điều kiện về không gian, âm thanh, ánh sáng:

▪ Sàn khiêu vũ phải đảm bảo không gian thoáng mát.

▪ Hệ thống âm thanh loa đài đảm bảo chất lượng, cường độ âm thanh trong khoảng từ 90 dBA đến 120 dBA;

▪ Có hệ thống chiếu sáng độ rọi từ 150Lux trở lên.

+ Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 2m²/01 người.

+ Đảm bảo các quy định về thời gian hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định.

– **Về trang thiết bị:**

+ Phải có phòng tắm, phòng vệ sinh, tủ đựng quần áo, tủ thuốc sơ cấp cứu phục vụ cho người đến tập luyện.

+ Phải bố trí ghế ngồi và gương soi. Số lượng và kích cỡ phù hợp với quy mô, địa điểm tập luyện

+ Có bảng nội quy quy định giờ sinh hoạt tập luyện, không hút thuốc, uống rượu, bia trong khi tập luyện.

– **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn**

+ Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

▪ Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

▪ Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

+ Mỗi nhân viên chuyên môn hướng dẫn tập luyện không quá 35 người trong một giờ học.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

– Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

– Thông tư số 03/2011/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 3 năm 2011.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của
.....(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang
kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản
kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình
hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều
kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

10. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức môn võ cổ truyền và vovinam

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất:**

+ Địa điểm tập luyện có thể ở trong nhà hoặc ngoài trời, mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt, không biến dạng;

+ Mật độ tập luyện trên sàn đảm bảo ít nhất là 2,5m²/01 người;

+ Điểm tập luyện phải đảm bảo đủ ánh sáng, thông thoáng;

+ Âm thanh, tiếng ồn không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh;

+ Có tủ thuốc hoặc túi thuốc và các dụng cụ sơ cứu ban đầu;

+ Có khu vực vệ sinh, để xe;

+ Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, nơi ở và lưu đơn xin học của từng võ sinh;

+ Có chương trình, giáo án huấn luyện cụ thể đối với từng môn võ;

+ Có bảng nội quy quy định giờ tập luyện, các quy định bảo đảm an toàn khi tập luyện;

+ Đảm bảo thời gian hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ theo quy định.

– **Về trang thiết bị:**

+ Phù hợp với Luật thi đấu của từng môn và các quy định chuyên môn do Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam hoặc Liên đoàn Vovinam Việt Nam ban hành.

+ Nếu các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện thuộc danh mục các loại vũ khí thô sơ, vật liệu nổ và các công cụ hỗ trợ thì phải được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và các công cụ hỗ trợ.

– **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn**

+ Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

- Huấn luyện viên phải có các tiêu chuẩn sau:

(1) Đối với Võ cổ truyền: có giấy chứng nhận đã tham gia khóa tập huấn chuyên môn Võ thuật cổ truyền do Tổng cục Thể dục thể thao hoặc Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam cấp; có bằng đẳng cấp chuyên môn từ cấp 15 trở lên do Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam cấp.

(2) Đối với Vovinam: có giấy chứng nhận đã tham gia khóa tập huấn chuyên môn Vovinam do Tổng cục Thể dục thể thao hoặc Liên đoàn Vovinam Việt Nam cấp; có bằng đẳng cấp chuyên môn từ Hoàng đai nhị (đai vàng hai vạch) trở lên do Liên đoàn Vovinam Việt Nam cấp.

- Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

+ Hướng dẫn viên phải có một trong các tiêu chuẩn sau:

- Đối với Võ cổ truyền:

(1) Có giấy chứng nhận đã tham gia khóa tập huấn chuyên môn Võ cổ truyền do Tổng cục Thể dục thể thao, Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Việt Nam hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

(2) Có bằng đẳng cấp chuyên môn từ cấp 13 trở lên do Hội Võ thuật cổ truyền địa phương cấp.

- Đối với Vovinam:

(1) Có giấy chứng nhận đã tham gia khóa tập huấn chuyên môn Vovinam do Tổng cục Thể dục thể thao, Liên đoàn Vovinam Việt Nam hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

(2) Có bằng đẳng cấp chuyên môn từ Hoàng đai nhất (đai vàng một vạch) trở lên do Liên đoàn Vovinam Việt Nam cấp.

+ Mỗi huấn luyện viên hướng dẫn tập luyện không quá 40 võ sinh trong một giờ học, nếu trên 40 võ sinh đến 60 võ sinh phải có thêm một hướng dẫn viên, trên 60 võ sinh đến 80 võ sinh phải có thêm hai hướng dẫn viên.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

– Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

– Thông tư số 14/2011/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động môn Võ cổ truyền và Vovinam. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN
CẤP GIẤY CHỨNG
NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)**

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
- Tên giao dịch (nếu có):
- Tên viết tắt (nếu có):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:
- Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
- Giới tính: Chức danh:
- Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
- Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
- Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

11. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất:**

+ Mặt sân quần vợt phẳng, không trơn trượt, có độ dốc thoát nước mặt sân và được phủ bằng sơn, cỏ, đất nện hoặc chất tổng hợp đặc biệt. Kích thước sân quần vợt phải bảo đảm theo đúng tiêu chuẩn quốc tế;

+ Bảo đảm ánh sáng đồng đều trên sân với độ rọi từ 300 Lux trở lên;

+ Có cơ sở thuốc và dụng cụ sơ cấp cứu, khu vực thay đồ và gửi quần áo, vệ sinh, để xe;

+ Bảng nội quy quy định giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác.

+ Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

– **Về trang thiết bị:**

+ Có lưới chắn bóng bao quanh sân, bảo đảm khoảng cách từ mép biên ngang đến lưới chắn ít nhất là 4m và từ mép biên dọc đến lưới chắn ít nhất là 3m.

+ Có ghế trọng tài, dụng cụ đẩy nước.

– **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn**

Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

- Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.
- Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.
- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.
- Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.
- Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.
- Thông tư số 15/2011/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động quần vợt. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.
- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại:Fax:
Website:Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính:Chức danh:
Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

12. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất:**

+ Kích thước: Sân tập có diện tích ít nhất là 60m²; khoảng cách từ sân tập đến trần nhà ít nhất là 03m; sân tập phải bằng phẳng, có thảm hoặc đệm mềm.

+ Điều kiện về không gian, âm thanh, ánh sáng: đảm bảo không gian thoáng mát, có hệ thống thông gió; có hệ thống loa đài đảm bảo chất lượng; cường độ âm thanh trong quá trình hoạt động không vượt quá 120 dBA; bảo đảm ánh sáng có độ rọi ít nhất 150Lux.

+ Mật độ tập luyện trên sân bảo đảm ít nhất 2m²/01 người.

+ Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

– **Về trang thiết bị:**

+ Phải có phòng vệ sinh, tủ đựng quần áo, tủ thuốc sơ cấp cứu phục vụ cho người đến tập luyện.

+ Phải bố trí ghế ngồi và gương soi. Số lượng và kích cỡ phù hợp với quy mô, địa điểm tập luyện.

+ Phải có bảng nội quy quy định giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác.

+ Khuyến khích trang bị các dụng cụ hỗ trợ phục vụ người tập như: máy chạy bộ, tạ, bục, gậy.

– **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn**

Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

+ Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

+ Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

+ Mỗi nhân viên chuyên môn hướng dẫn tập luyện không quá 30 người trong một giờ học.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

– Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

– Thông tư số 16/2011/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN...

....., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

13. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất:**

+ Khu vực xuất phát, khu vực đỗ, không gian bay của dù lượn và điều bay có động cơ là vùng đất, mặt nước, vùng trời (sau đây gọi chung là khu vực hoạt động bay) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

+ Khu vực hoạt động bay của dù lượn và điều bay có động cơ phải có giấy phép của Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu cấp.

+ Bảng chỉ dẫn được đặt trong khu vực xuất phát và khu vực đỗ phải ở những vị trí thích hợp, dễ nhận biết.

+ Bảng chỉ dẫn đối với người tham gia hoạt động thể thao dù lượn và điều bay có động cơ phải thể hiện các nội dung: đảm bảo an toàn; không được uống rượu, bia và sử dụng các chất kích thích; không được điều khiển các phương tiện bay ra khỏi vùng hoạt động bay cho phép.

+ Bảng chỉ dẫn đối với người không tham gia hoạt động thể thao dù lượn và điều bay có động cơ khi vào khu vực xuất phát và khu vực đỗ phải thực hiện các quy định về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tôn trọng và giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, môi trường, thực hiện quy định khu vực bay; không có các hành động cản trở hay gây khó khăn đối với hoạt động dù lượn và điều bay có động cơ.

+ Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay có động cơ phải ghi rõ số điện thoại của người có trách nhiệm quản lý bay, tần số bộ đàm và cách thức liên lạc khi cần thiết trên bảng chỉ dẫn

– **Về dụng cụ, trang thiết bị:**

+ Trang thiết bị tập luyện, thi đấu dù lượn không có động cơ

- Cơ sở thể thao tổ chức tập luyện và thi đấu dù lượn không có động cơ phải được trang bị các thiết bị an toàn cần thiết: dù chính, đai ngồi, dù dự phòng, thiết bị đo độ cao, định vị toàn cầu, bộ đàm, mũ bảo hiểm.

- Hình thức dù lượn không có động cơ phải đảm bảo phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc.

+ Trang thiết bị tập luyện, thi đấu dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ

- Cơ sở thể thao tập luyện và thi đấu dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ phải có mũ bảo hiểm, hệ thống dây an toàn, dù dự phòng và thiết bị liên lạc.

- Cơ sở thể thao tập luyện và thi đấu dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ phải được kiểm tra về chất lượng và an toàn kỹ thuật.

- Hình thức dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ phải đảm bảo phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc.

- Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ phải có hệ thống phòng cháy, chữa cháy, có đủ cơ sở thuốc cấp cứu, dụng cụ cấp cứu.

– **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn**

Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

+ Đối với tập luyện, thi đấu dù lượn không có động cơ

- Huấn luyện viên, hướng dẫn viên phải có trình độ chuyên môn được Tổng cục Thể dục thể thao hoặc tổ chức xã hội nghề nghiệp về dù lượn cấp quốc gia công nhận.

- Huấn luyện viên, hướng dẫn viên phải có giấy chứng nhận đủ sức khỏe còn hiệu lực do cơ quan y tế cấp huyện trở lên chứng nhận trước khi bay tối đa không quá 12 tháng.

+ Đối với tập luyện, thi đấu dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ

- Huấn luyện viên huấn luyện vận động viên dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ phải có trình độ chuyên môn được đào tạo và cấp chứng chỉ của Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng hoặc cơ sở đào tạo của Hiệp hội dù lượn, điều bay trong nước và quốc tế được Tổng cục Thể dục thể thao công nhận.

- Huấn luyện viên, vận động viên phải có giấy chứng nhận đủ sức khỏe còn hiệu lực do cơ quan y tế cấp huyện trở lên chứng nhận trước khi tham gia hoạt động bay và phải kiểm tra định kỳ tối thiểu 12 tháng/1 lần.

- Vận động viên dù lượn có động cơ và điều bay có động cơ phải được hướng dẫn tập luyện theo các giáo trình và chương trình huấn luyện của các cơ sở đào tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

– **Điều kiện về thông tin liên lạc và an toàn cứu nạn**

- Thông tin liên lạc: Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay có động cơ phải trang bị hệ thống thông tin đảm bảo yêu cầu liên lạc từ bộ phận điều hành đến các vùng hoạt động dù lượn và điều bay có động cơ thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở thể thao và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

- An toàn, tìm kiếm và cứu nạn:

- Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay có động cơ phải có kế hoạch nêu rõ các phương án đảm bảo an toàn, tìm kiếm và cứu nạn trong vùng hoạt động bay thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở và phải thường xuyên rà soát, cập nhật kế hoạch này.

- Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay có động cơ phải phổ biến và hướng dẫn cho những người tham gia nắm rõ về cách thức liên lạc và trình tự các bước tìm kiếm, cứu nạn.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

- Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

- Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

- Thông tư số 19/2011/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 01 năm 2012.

- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN
CẤP GIẤY CHỨNG
NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)**

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

14. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quyền anh

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất:**

Địa điểm tập luyện quyền anh phải bảo đảm các điều kiện sau:

+ Địa điểm tập quyền anh phải có diện tích từ 60m² trở lên; mật độ tập luyện tối thiểu 2m²/người.

+ Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt.

+ Đảm bảo đủ ánh sáng, thông thoáng.

+ Âm thanh, tiếng ồn không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Có cơ sở thuốc thông thường và các dụng cụ sơ cứu ban đầu.

+ Có khu vực vệ sinh, để xe.

+ Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, nơi ở và lưu đơn xin học của từng người.

+ Có bảng nội quy quy định giờ tập luyện, các quy định bảo đảm an toàn khi luyện tập.

+ Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định.

– **Về trang thiết bị, dụng cụ:**

Địa điểm tổ chức tập luyện quyền anh phải có các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện sau:

- + Găng tập luyện: 01 đôi/ 01 người.
- + Mũ bảo vệ: 01 chiếc/ 01 người.
- + Bao đấm (bao cát), gối đấm.
- + Người tập phải trang bị bít răng, bảo vệ bộ hạ (kuki), băng đa, dây nhảy, giày tập luyện.
- + Hướng dẫn viên tập luyện phải có dụng cụ đỡ đòn (lăm pơ).

– **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn**

Doanh nghiệp có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên phải có:

- Huấn luyện viên thể thao có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.
- Bác sĩ hoặc nhân viên y tế có chứng chỉ về y học thể thao do Viện Khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

– Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

– Thông tư số 20/2011/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức tập luyện quyền anh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 01 năm 2012.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng..... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại:Fax:
Website:Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính:Chức danh:
Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

15. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất:**

Địa điểm hoạt động Taekwondo phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Sàn phải có diện tích 60m² trở lên; mật độ tập luyện tối thiểu 3m² trên người.

+ Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt.

+ Có đủ ánh sáng, thông thoáng.

+ Âm thanh, tiếng ồn đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

+ **đ) Có cơ sở thuốc thông thường và dụng cụ sơ cứu ban đầu, khu vực vệ sinh, để xe.**

+ Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, nơi ở và lưu đơn xin học của từng người.

+ Có bảng quy định 4 điều tâm niệm của võ sinh Taekwondo; bảng nội quy, quy định giờ tập luyện và các quy định bảo đảm an toàn khi tập luyện.

+ Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định

– **Về trang thiết bị, dụng cụ:**

+ Cơ sở hoạt động Taekwondo có tổ chức đào tạo để tham dự thi đấu các giải thi đấu do Liên đoàn Taekwondo Việt Nam, Tổng cục Thể dục thể thao tổ chức phải đáp ứng các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện sau:

TT	Trang bị, dụng cụ	Định mức
1	Võ phục Taekwondo	1 bộ/ người tập
2	Thảm tập luyện 10m x 10m	1 bộ/ người tập
3	Giáp tập luyện	1 chiếc/ người tập
4	Địch đá các loại	1 chiếc/ người tập
5	Bao cát	1 chiếc/ người tập
6	Dây thun, dây nhảy	1 chiếc/ người tập
7	Bảo hộ tay, chân, gối	1 bộ/ người tập
8	Bảo hộ hạ bộ nam (nữ)	1 chiếc/ người tập
9	Mũ bảo hộ	1 chiếc/ 2 người tập
10	Bịt răng	1 chiếc/ người tập
11	Gương soi lớn	1 chiếc/ điểm tập

+ Cơ sở luyện tập Taekwondo nhằm nâng cao sức khỏe cho người tập và không tham gia thi đấu đỉnh cao cần đáp ứng trang thiết bị, dụng cụ tập luyện sau:

TT	Trang thiết bị, dụng cụ	Định mức
1	Võ phục Taekwondo	1 bộ/ người tập
2	Địch đá các loại	1 chiếc/ 4 người tập

– Về cán bộ, nhân viên chuyên môn

+ Cơ sở hoạt động Taekwondo có tổ chức đào tạo để tham dự thi đấu các giải thi đấu do Liên đoàn Taekwondo Việt Nam, Tổng cục Thể dục thể thao tổ chức phải đáp ứng các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học thể dục thể thao chuyên ngành Taekwondo.
- Có chứng nhận chuyên môn huấn luyện viên quốc gia do Liên đoàn Taekwondo Việt Nam cấp hoặc bằng huấn luyện viên quốc tế do Viện Hàn lâm Kukkiwon cấp.

+ Hướng dẫn viên có trình độ chuyên môn Taekwondo bảo đảm tiêu chuẩn quy định tại Điểm 1, Mục I Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban TDTT hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao và có đai đen từ 3 đẳng trở lên do Liên đoàn Taekwondo Việt Nam cấp.

+ Mỗi nhân viên chuyên môn hướng dẫn tập luyện không quá 30 võ sinh trong một buổi tập.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

– Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

– Thông tư số 21/2011/TT-BVHTTDL ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2012.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

.....

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

16. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bán súng thể thao:

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (nếu có);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

- + Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- + Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- + Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.
- **Điều kiện chung về cơ sở vật chất và trang thiết bị, dụng cụ tập luyện**

+ Có trường bắn phù hợp theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 của Thông tư số 06/2014/TT-BVHTTDL ngày 04 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao.

+ Âm thanh, tiếng ồn không vượt quá giới hạn cho phép về tiếng ồn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Điểm đo âm thanh, tiếng ồn được xác định tại phía ngoài cửa sổ hoặc tường bao quanh trường bắn và cửa ra vào của cơ sở thể thao.

+ Súng thể thao phải được đăng ký và cấp giấy phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

+ Có đồng hồ treo ở hai đầu tuyến bắn,

+ đ) Có phòng y tế, có cơ sở thuốc và dụng cụ đảm bảo hoạt động sơ cứu ban đầu.

+ Có kho cất giữ súng thể thao đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

+ Có khu vực kiểm tra trang thiết bị tập luyện và thi đấu.

- + Có khu vực thay đồ, gửi quần áo, nhà vệ sinh và khu vực để xe.
- + Có sổ theo dõi quá trình sử dụng súng, đạn thể thao;
- + Có sổ theo dõi người tham gia tập luyện ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, giới tính, nơi cư trú, thời gian tập luyện, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu súng thể thao đang sử dụng.

- + Có bảng nội quy, bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Đối tượng được tham gia tập luyện;
- Quy định giờ tập luyện;
- Các quy định bảo đảm an toàn khi tập luyện, thi đấu.

- + Có bảng hướng dẫn cách sử dụng súng thể thao; bảng trích dẫn quy định của pháp luật về trách nhiệm của vận động viên, huấn luyện viên và các cá nhân có liên quan trong việc sử dụng và bảo quản súng thể thao.

- + Đảm bảo thời gian hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

- + Đảm bảo cho người tham gia tập luyện và thi đấu phải có quần áo, giày, găng tay chuyên dụng theo tiêu chuẩn của Liên đoàn Ban súng thể giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

- **Điều kiện chuyên môn chung cho trường bắn ngoài trời cự ly 50m và cự ly 25m**

- + Có tường bao quanh trường bắn dày ít nhất 20cm, chiều cao không thấp hơn mép trên của hàng rào trên không phía trước tuyến bắn để đảm bảo an toàn.

- + Có tuyến bia và tuyến bắn song song với nhau, nằm trên cùng độ cao, cứng và bằng phẳng.

- + Có bệ bắn nằm sau tuyến bắn; ngăn cách hai bệ bắn bằng màn che, chất liệu trong suốt.

- + Hệ thống rào chắn trên không ở phía trước tuyến bắn, được bố trí đảm bảo cho người nằm trên giường bắn hoặc quỳ ở tuyến bắn không nhìn thấy bầu trời.

- + đ) Lối đi riêng từ tuyến bắn lên tuyến bia phải có mái che và tường chắn an toàn.

- + Khu vực dành cho khán giả ở phía sau tuyến bắn, cách tuyến bắn ít nhất là 5m.

- + Bệ bắn và bia phải được đánh số thứ tự, bắt đầu bằng số 01 từ bên trái, các số phải đủ lớn để có thể nhìn rõ bằng mắt thường khi đứng ở tuyến bắn, số lẻ và số chẵn có màu đối nhau, không phản quang, không bị che khuất bởi bóng râm.

- **Điều kiện trường bắn ngoài trời cự ly 50m:**

- + Chiều dài trường bắn không nhỏ hơn 60m (trong đó có ít nhất 45m ngoài trời) được thiết kế gồm 50m + 2m tuyến bia + 5m tuyến bắn + khu vực khán giả; Chiều rộng trường bắn không nhỏ hơn 15m, đảm bảo chứa được không ít hơn 10 bệ bắn.

- + Có phễu hoặc tấm chắn đạn đặt sát phía sau bia, làm bằng thép.

- + Có máy chạy bia, hoặc tời bia, hoặc cuộn bia dùng để thay bia bắn.

- + Giường bắn có chiều dài 2.2m, chiều rộng 0.8m, chiều cao 0.8m hoặc thảm bắn có chiều dài 200cm, chiều rộng 80 cm, độ dày không nhỏ hơn 2mm nhưng không lớn hơn 50mm.

- + Tâm bia cao 75cm so với mặt bằng bề bắn.

- + Độ chiếu ánh sáng của các bia đảm bảo bằng hoặc lớn hơn 1500 lux.

- + Bia bắn đạt tiêu chuẩn của Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

- + Bề mặt bề bắn có chiều dài không nhỏ hơn 2.5m, chiều rộng không nhỏ hơn 1.2m.

- **Điều kiện trường bắn ngoài trời cự ly 25m**

- + Chiều dài trường bắn không nhỏ hơn 35m (trong đó có ít nhất 12.5m ngoài trời) được thiết kế gồm 25m + 3m tuyến bia + 5m tuyến bắn + khu vực khán giả; 50m + 2m tuyến bia + 5m tuyến bắn + khu vực khán giả; chiều rộng trường bắn không nhỏ hơn 15m, đảm bảo chứa được không ít hơn 2 khung bia.

- + Khung bia đạt tiêu chuẩn của Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

- + Thùng hoặc phễu chắn đạn đặt song song và cách khung bia 1m về phía sau; sát bề mặt phễu chắn đạn là bảng gắn bia sau.

- + Bàn đặt súng đạn có chiều dài bề mặt 60cm, chiều rộng bề mặt 50cm và chiều cao điều chỉnh từ 70cm đến 100cm.

- + Lưới chắn vỏ đạn phía trước người bắn có chiều dài là 1.6m và chiều rộng là 1.2m.

- + Có thiết bị tính thời gian và điều khiển bia đạt tiêu chuẩn của Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

- + Tâm bia cao 1.4m so với mặt bằng bề bắn.

- + Có máy chạy bia, hoặc tời bia, hoặc cuộn bia dùng để thay bia bắn.

- + Bia bắn đạt tiêu chuẩn của Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

- **Điều kiện trường bắn trong nhà 10m dành cho súng trường hơi và súng ngắn hơi:**

- + Trường bắn có kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 20m; chiều dài được thiết kế gồm 10m + 5m tuyến bắn + khu vực khán giả; chiều rộng đảm bảo chứa được 10 bề bắn, mỗi bề bắn rộng 1m và cách nhau 1m.

- + Bàn bắn có chiều cao 80cm, chiều rộng 60cm, dài suốt tuyến bắn, gắn cố định xuống vách tuyến bắn.

- + Ánh sáng trong cả nhà từ 300 lux đến 500 lux; trước mặt bia từ 1000 lux đến 1500 lux.

- + Có máy chạy bia, hoặc tời bia, hoặc cuộn bia dùng để thay bia bắn.

- + đ) Bia bắn đạt tiêu chuẩn của Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

- + Tâm bia ở độ cao 1.4m so với mặt bằng bề bắn.

- Điều kiện trường bắn trong nhà 10m bia di động

+ Chiều dài trường bắn không nhỏ hơn 20m được thiết kế gồm 10m + 2m tuyến bia + 5m tuyến bắn + khu vực khán giả. Chiều rộng trường bắn không nhỏ hơn 10m, được chia thành 2 khoang riêng biệt, mỗi khoang rộng 3m đủ chứa 1 khung bia.

+ Bia bắn, khung bia đạt tiêu chuẩn của Liên đoàn Bắn súng thể giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.

+ Lối đi từ tuyến bắn lên tuyến bia có vách ngăn an toàn dày ít nhất 2cm, cao ít nhất 2m.

+ Bàn bắn có chiều cao 0.8m, đặt cách vạch bắn 10 cm về phía trước

+ đ) Ánh sáng chung trong trường bắn từ 300 lux đến 500 lux; trước mặt bia từ 1000 lux đến 1500 lux.

– **Điều kiện trường bắn đĩa bay**

+ Xây dựng hướng bắn theo hướng phía bắc hoặc đông - bắc.

+ Trường bắn có kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 150m.

+ Có tường bao quanh trường bắn cao 3m, dày 30cm.

+ Lưới an toàn cao 3m đặt ở phía trên tường bao quanh trường bắn.

+ đ) Đối với trường bắn Traap: Có hào để đặt máy phóng đĩa và không ít hơn 15 máy phóng đĩa điều khiển bằng điện tử hoặc bằng tay.

+ Đối với trường bắn Skeet: Có 02 chòi để đặt máy phóng đĩa; mỗi chòi đặt 01 máy phóng đĩa điều khiển bằng điện tử hoặc bằng tay.

+ Đảm bảo chiều dài từ hào phóng đĩa đến vị trí đứng bắn cách nhau không nhỏ hơn 15m.

+ Khoảng cách từ vị trí đứng bắn theo hướng bắn đến tường bao quanh không nhỏ hơn 70m.

+ Vị trí đứng bắn có diện tích 1m², phía sau điểm bắn 3m phải có đường di chuyển vị trí cho người bắn.

+ Có rào chắn cách ít nhất 7m ở phía sau đường di chuyển chắn giữa khán giả và khu vực bắn.

+ Đĩa bắn làm bằng đất có đường kính 10cm.

– **Điều kiện xây dựng trường bắn đạn nhựa**

+ Trường bắn có kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 100m.

+ Tường bao quanh trường bắn cao 3m, dày 30cm, phía trên có lưới an toàn cao 3m.

+ Bên trong trường bắn đặt ít nhất 03 ụ bắn bằng một trong các chất liệu: đất, gỗ, nhựa.

– **Điều kiện về cán bộ, nhân viên chuyên môn**

+ Người đứng đầu cơ sở thể thao hoạt động Bắn súng thể thao phải có trình độ trung cấp thể dục thể thao trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn về bắn súng thể thao do Liên đoàn Bắn súng thể giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam cấp, có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

• Người chưa thành niên; người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người nghiện ma túy;

- Người bị khởi tố hình sự mà các cơ quan tố tụng đang tiến hành điều tra, truy tố, xét xử;

- Người đang bị Toà án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, cấm cư trú; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; người đang chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà không bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Người có tiền án mà chưa được xóa án tích về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội đặc biệt nghiêm trọng; người có tiền án mà chưa được xóa án tích về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người và các tội khác có liên quan trực tiếp tới ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; người đã bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

+ Có huấn luyện viên hoặc người hướng dẫn hoạt động chuyên môn bắn súng bảo đảm một trong các tiêu chuẩn sau:

- Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao hoặc vận động viên môn Bắn súng có đẳng cấp từ cấp I trở lên;

- Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao môn Bắn súng từ bậc trung cấp trở lên;

- Có chứng nhận chuyên môn về bắn súng thể thao do Liên đoàn Bắn súng thế giới hoặc Liên đoàn Bắn súng Việt Nam cấp.

Mỗi huấn luyện viên, hướng dẫn viên chuyên môn hướng dẫn tập luyện không nhiều hơn 10 người/đợt.

+ Người được giao bảo quản kho, nơi cất giữ vũ khí thể thao phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: (Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 18 tháng 10 năm 2013 quy định trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí thể thao trong tập luyện và thi đấu thể thao)

- Là công dân Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt;

- Có đủ sức khỏe phù hợp với công việc được giao, được cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên chứng nhận;

- Có chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy;

- Nắm vững nội quy, chế độ quản lý, bảo quản kho, nơi cất giữ vũ khí thể thao.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.
- Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.
- Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.
- Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Công an quy định trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí thể thao trong tập luyện và thi đấu thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2013.
- Thông tư số 06/2014/TT-BVHTTDL ngày 04 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 8 năm 2014.
- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN...

....., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

17. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karatedo:

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (nếu có);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Điều kiện cơ sở vật chất:**

+ Có sàn tập diện tích từ 60m² trở lên; mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt;

+ Mật độ tập luyện từ 3m² trở lên trên 01 người tập;

+ Điểm tập có ánh sáng tối thiểu là 200 lux;

+ Âm thanh, tiếng ồn bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Điểm đo âm thanh, tiếng ồn được xác định tại phía ngoài cửa sổ và cửa ra vào của điểm tập;

+ Có đủ cơ sở thuốc và các dụng cụ sơ cứu ban đầu, khu vực thay đồ, gửi đồ, khu vực vệ sinh, để xe;

+ Có bảng nội quy quy định giờ tập luyện, các quy định bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác;

+ Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

+ Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện, ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, địa chỉ, thời gian theo học và lưu đơn xin học của từng người.

– **Trang thiết bị, dụng cụ tập luyện, thi đấu** phải bảo đảm không gây nguy hiểm, không gây các biến đổi không tốt cho sự phát triển của cơ thể người tập. Mỗi võ sinh tập luyện phải có:

- + Võ phục chuyên môn Karatedo;
- + Găng tay màu xanh, găng tay màu đỏ;
- + Bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu xanh; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu đỏ;
- + Lämpơ.

– **Điều kiện về cán bộ, nhân viên chuyên môn:**

+ Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động môn Karatedo phải có huấn luyện viên hoặc người hướng dẫn hoạt động chuyên môn Karatedo bảo đảm một trong các tiêu chuẩn sau:

- Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên Karatedo hoặc vận động viên Karatedo có đẳng cấp từ cấp II trở lên;
 - Có bằng cấp chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên;
 - Có Giấy chứng nhận chuyên môn Karatedo từ đai đen 2 đẳng trở lên do Tổng cục Thể dục thể thao hoặc Liên đoàn Karatedo Việt Nam cấp.
- + Mỗi nhân viên chuyên môn hướng dẫn tập luyện không quá 30 võ sinh trong một buổi tập.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

– Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

– Thông tư số 09/2013/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Karatedo. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN
CẤP GIẤY CHỨNG
NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)**

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

18. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (nếu có);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất:**

Địa điểm tập luyện Lân Sư Rồng phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Địa điểm tập luyện Lân Sư Rồng có thể ở trong nhà hoặc ngoài trời, diện tích từ 200 m² trở lên;

+ Mặt sân phải bằng phẳng, không trơn trượt;

+ Đối với địa điểm tập luyện trong nhà chiều cao tối thiểu tính từ mặt sàn đến trần nhà là 5 m. Trường hợp có sử dụng mai hoa thung chiều cao tối thiểu tính từ mặt sàn đến trần nhà là 7 m, hệ thống chiếu sáng đảm bảo độ rọi từ 150 lux trở lên;

+ Âm thanh, tiếng ồn không vượt quá 120dBA;

+ Có tủ thuốc hoặc túi thuốc và các dụng cụ sơ cứu ban đầu;

+ Có khu vực vệ sinh, để xe;

+ Có bảng nội quy quy định thời gian tập luyện; bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác;

+ Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ theo quy định.

– **Về dụng cụ, trang thiết bị.**

Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng phải bảo đảm các trang thiết bị, dụng cụ sau:

- + Lân, Sư, Rồng và các loại trang phục, đạo cụ kèm theo phù hợp với quy định của Luật thi đấu Lân Sư Rồng hiện hành hoặc theo truyền thống của từng địa phương;

- + Các loại trống, chiêng, thanh la, nạ bạt, mai hoa thung và các dụng cụ, đạo cụ phải đảm bảo an toàn, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc;

- + Các trang thiết bị, dụng cụ dùng để tập luyện, biểu diễn, thi đấu là vũ khí thô sơ phải được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

- **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn.**

Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng phải có người hướng dẫn hoạt động chuyên môn đảm bảo một trong các điều kiện sau:

- + Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên am hiểu Luật thi đấu Lân Sư Rồng, có trình độ chuyên môn, kỹ chiến thuật về biểu diễn, thi đấu Lân Sư Rồng;

- + Có giấy chứng nhận đã qua các lớp tập huấn đào tạo về chuyên môn Lân Sư Rồng do Tổng cục Thể dục thể thao, các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao Lân Sư Rồng trong nước, quốc tế hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức.

- 1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

- Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

- Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

- Thông tư số 10/2012/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng. Có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2013.

- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN
CẤP GIẤY CHỨNG
NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

- Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại:Fax:
Website:Email:
- Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính:Chức danh:
Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
- Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

19. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (nếu có);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất và trang thiết bị.**

Địa điểm tổ chức hoạt động Judo phải bảo đảm các điều kiện sau:

+ Có thảm diện tích từ 64m² trở lên. Mặt thảm phải bằng phẳng, không trơn trượt, đảm bảo không gây chấn thương cho người tập luyện và thi đấu. Độ dày của thảm ít nhất là 4cm.

+ Thảm được đặt trên mặt sàn làm bằng bê tông, gỗ hoặc dàn nhún lò xo.

+ Mật độ tập luyện tối thiểu 3m²/01 người.

+ Điểm tập có ánh sáng tối thiểu là 200 lux.

+ Âm thanh, tiếng ồn bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Điểm đo âm thanh, tiếng ồn được xác định tại phía ngoài cửa sổ và cửa ra vào của điểm tập.

+ Có đủ cơ sở thuốc và dụng cụ sơ cứu ban đầu, khu vực thay đồ, gửi quần áo, nhà vệ sinh, khu vực để xe.

+ Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, giới tính, nơi cư trú và lưu đơn xin học của từng người.

+ Có bảng nội quy quy định giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác.

+ Có bảng tên đòn chuyên môn Judo và ảnh minh họa.

- + Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.
- + Võ sinh tập luyện phải có võ phục chuyên môn Judo.
- **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn.**
- + Trình độ nhân viên chuyên môn.
 - Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp II trở lên;
 - Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên;
 - Có giấy chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.
 - Có giấy chứng nhận được đào tạo chuyên môn do Sở thể dục thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp.
 - Có đai đen từ 1 đẳng trở lên do Liên đoàn Judo Quốc tế hoặc Liên đoàn Judo Việt Nam cấp.

Đối với các địa phương ở vùng sâu, vùng xa, nếu chưa có người đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm này thì những người làm công tác văn hoá- xã hội, đoàn thanh niên, những hạt nhân phong trào thể dục thể thao...được xét làm cộng tác viên.

- + Mỗi nhân viên chuyên môn hướng dẫn tập luyện không quá 30 võ sinh trong một buổi tập.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.
- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.
- Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.
- Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.
- Thông tư số 11/2012/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Judo. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2013.
- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

20. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (nếu có);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về sân bãi, thiết bị, dụng cụ.**

+ Diện tích sân tập luyện đảm bảo mật độ tối thiểu 25m²/người, nếu có tường tập sút cầu môn thì kích thước tối thiểu của tường có chiều rộng 5m, chiều cao 2,5m và phải được làm bằng vật liệu bền chắc. Diện tích sân thi đấu đảm bảo kích thước theo quy định của Luật thi đấu bóng đá.

Sân tập luyện và thi đấu bóng đá phải đảm bảo khoảng cách xung quanh an toàn, không có chướng ngại vật, khoảng cách tối thiểu từ đường biên của sân đến hàng rào hoặc sân liền kề là 2,5m.

+ Mặt sân bằng phẳng và được làm bằng một trong các chất liệu cỏ tự nhiên, cỏ nhân tạo, đất nện, sàn gỗ, chất dẻo tổng hợp hoặc cát mịn không lẫn đá dăm.

+ Trên sân có đầy đủ các đường kẻ biên ngang, biên dọc, đường tròn trung tâm, khu cấm địa và các điểm đá phạt.

+ Khung cầu môn đảm bảo kích thước theo quy định của Luật thi đấu bóng đá được làm bằng một trong các chất liệu sắt, gỗ hoặc chất dẻo tổng hợp.

+ Sân bóng đá liền kề nhà ở, công trình công cộng, đường giao thông phải có hàng rào cao tối thiểu 3m bao quanh sân.

- + Tập luyện, thi đấu buổi tối phải đảm bảo ánh sáng tối thiểu 150 lux.
 - + Sân phải có nội quy hoạt động với các nội dung cơ bản sau:
 - Sử dụng trang phục thể thao khi tập luyện, thi đấu;
 - Chấp hành đầy đủ hướng dẫn của Ban quản lý sân;
 - Giao tiếp văn minh, lịch sự, không được có hành vi gây gổ, mất đoàn kết;
 - Không uống rượu, bia, hút thuốc trong sân;
 - Không được mang các vật cứng, sắc, nhọn có thể gây thương tích vào sân;
 - Không tụ tập tổ chức đánh bạc và các tệ nạn xã hội khác;
 - Thời gian hoạt động.
 - + Có tủ thuốc, dụng cụ y tế đáp ứng sơ cứu ban đầu.
 - + Có khu vực vệ sinh, thay trang phục và để xe.
 - + Đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ theo quy định.
 - + Các hình ảnh, bảng biển quảng cáo sử dụng trên sân phải tuân thủ quy định của pháp luật.
 - **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn.**
 - + Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp II trở lên;
 - + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên;
 - + Có giấy chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.
 - + Có giấy chứng nhận được đào tạo chuyên môn do Sở thể dục thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp.
- Đối với các địa phương ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo nếu chưa có người đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm này thì những người làm công tác văn hoá - xã hội, đoàn thanh niên, những hạt nhân phong trào thể dục thể thao...được xét làm cộng tác viên.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.
 - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.
 - Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.
 - Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm

2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

– Thông tư số 12/2012/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 01 năm 2013.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

21. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (nếu có);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất và trang thiết bị, dụng cụ luyện tập.**

+ Địa điểm hoạt động bóng bàn phải đảm bảo các điều kiện sau:

• Khu vực đặt bàn phải có mái che, kín gió, không bị chói mắt. Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt;

• Mỗi bàn bóng được đặt trong khuôn viên có kích thước chiều rộng 5m, chiều dài 10 m;

• Bảo đảm ánh sáng đồng đều tới các điểm trên mặt bàn và khu vực bàn bóng từ 500 Lux trở lên, đèn được thiết kế cho mỗi bàn có chiều cao tối thiểu tính từ mặt bàn là 2,5m trở lên;

• Có cơ sở thuốc và dụng cụ để sơ, cấp cứu, khu vực thay đồ và gửi quần áo, nhà vệ sinh, khu vực để xe;

• Bảng nội quy quy định giờ tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện và các quy định khác;

• Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

+ Trang thiết bị, dụng cụ tập luyện:

- Bàn bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của Liên đoàn Bóng bàn Việt Nam. Mặt bàn phải có một độ nảy đồng đều khoảng 23 cm khi để quả bóng tiêu chuẩn rơi từ độ cao 30 cm xuống mặt bàn;

- Lưới có chiều cao 15,25 cm, mép trên của lưới phải cao đều 15,25 cm, mép dưới của lưới phải sát với mặt bàn, cạnh bên của lưới phải sát với cọc lưới;

- Có tấm chắn bóng quanh khuôn viên đặt bàn cao 75 cm, sẫm màu, tránh phản quang và lẫn với màu của quả bóng;

- Có bàn để bảng lật số.

- **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn.**

- Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp II trở lên;

- Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên;

- Có giấy chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

- Có giấy chứng nhận được đào tạo chuyên môn do Sở thể dục thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp.

Đối với các địa phương ở vùng vùng sâu, vùng xa nếu chưa có người đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm này thì những người làm công tác văn hoá- xã hội, đoàn thanh niên, những hạt nhân phong trào thể dục thể thao...được xét làm cộng tác viên.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

- Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

- Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

- Thông tư số 13/2012/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 01 năm 2013.

- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

22. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất và trang thiết bị, dụng cụ luyện tập.**

+ Địa điểm hoạt động cầu lông phải đảm bảo các điều kiện sau:

• Sân cầu lông phải được bố trí trong nhà. Mặt sân bằng phẳng, không trơn trượt, được phủ bằng sơn, chất tổng hợp hoặc thảm cao su, có kích thước chiều dài 13,40 m, chiều rộng 6,10 m, đường chéo sân đôi 14,723 m. Nền được làm bằng chất liệu gỗ hoặc bê tông;

• Bảo đảm ánh sáng đồng đều trên sân với độ rọi từ 500 lux trở lên, không bị chói, loá;

• Chiều cao tối thiểu tính từ mặt sân đến trần nhà là 8m;

• Khoảng cách giữa các sân, khoảng cách từ mép biên ngang, mép biên dọc đến tường bao quang tối thiểu là 1m;

• Có cơ sở thuốc và dụng cụ để sơ, cấp cứu, khu vực thay đồ và gửi quần áo, nhà vệ sinh, khu vực để xe;

• Bảng nội quy quy định giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác;

• Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

- + Trang thiết bị, dụng cụ tập luyện.
 - Lưới được làm từ sợi dây nylon hoặc chất liệu tổng hợp có màu đậm, mắt lưới có hình vuông, cạnh từ 15mm đến 20mm, đỉnh lưới được nẹp màu trắng;
 - Chiều cao cột lưới là 1,55m, được làm bằng sắt hoặc thép, có hình trụ, đủ chắc chắn và đứng thẳng khi lưới được căng lên. Hai cột lưới và các phụ kiện không được đặt vào trong sân;
 - Mỗi sân có tối thiểu 01 thùng đựng cầu và 02 thùng đựng đồ; có ghế trọng tài và dụng cụ lau sàn.
- **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn.**
- Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp II trở lên;
- Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên;
- Có giấy chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.
- Có giấy chứng nhận được đào tạo chuyên môn do Sở thể dục thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp.

Đối với các địa phương ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo nếu chưa có người đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm này thì những người làm công tác văn hoá-xã hội, đoàn thanh niên, những hạt nhân phong trào thể dục thể thao...được xét làm cộng tác viên.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.
- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.
- Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.
- Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.
- Thông tư số 14/2012/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 01 năm 2013.
- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

23. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Về cơ sở vật chất.**

Địa điểm hoạt động Patin phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Sân tập luyện Patin có diện tích từ 300 m² trở lên, mật độ tập luyện tối thiểu 5 m²/người.

+ Mặt sân bằng phẳng, có thể có dốc trượt (sóng) và mô hình chướng ngại vật. Bề mặt sân đối với khu vực bằng phẳng phải nhẵn, không trơn trượt; đối với khu vực có dốc trượt và mô hình chướng ngại vật phải được xử lý đúng kỹ thuật thiết kế chuyên dùng với bề mặt được xử lý nhẵn, không trơn trượt, các góc cạnh phải an toàn không gây nguy hiểm cho người chơi, độ dốc của dốc trượt không quá 30°. Chiều rộng của dốc trượt và mô hình chướng ngại vật tối thiểu 2m.

+ Âm thanh, tiếng ồn bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

+ Có cơ sở thuốc thông thường, dụng cụ sơ cứu ban đầu và phải đăng ký liên kết với cơ sở y tế gần nhất.

+ Có khu vực vệ sinh, thay đồ và để xe.

+ Có bảng nội quy quy định thời gian tập luyện, không tổ chức đánh bạc dưới mọi hình thức, không hút thuốc, uống rượu, bia trong khi tập luyện và các nội dung khác có liên quan.

+ Đảm bảo thời gian hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

– **Về trang thiết bị luyện tập.**

+ Phải bố trí trang thiết bị cho người tập, bao gồm:

- Tắm lót khuỷu tay, tắm lót đầu gối;
- Mũ đội đầu;
- Giày trượt.

+ Giày trượt sử dụng đảm bảo các thông số sau:

- Giày có khóa chắc chắn, đảm bảo ôm chân, không lỏng lẻo, thân giày không bị nghiêng, vẹo quá 45° qua 2 bên sau khi mang vào và cài đầy đủ các khóa;
- Bánh xe là loại cao su mềm, có độ đàn hồi tốt, vòng bi dùng loại 2 vòng bi cho một bánh xe với vòng đệm ở giữa, không sử dụng loại một trục;
- Khung đỡ và lắp bánh của giày (Frames):

(1) Loại làm bằng hợp kim nhôm (Alu) có độ cứng trên 5000, có độ dày vị trí mỏng nhất trên 1 mm, bảo đảm an toàn;

(2) Loại bằng nhựa có độ dày vị trí mỏng nhất trên 2 mm, bảo đảm an toàn.

+ Số lượng trang thiết bị quy định tại Khoản 1 Điều này phải đạt ít nhất 50% trên tổng số lượng người chơi tối đa (tính theo diện tích sân).

– **Về cán bộ, nhân viên chuyên môn.**

+ Người hướng dẫn chuyên môn phải bảo đảm các điều kiện sau:

- Đã tham dự lớp tập huấn chuyên môn Patin do Tổng cục Thể dục thể thao, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tổ chức xã hội nghề nghiệp về Patin cấp quốc gia tổ chức.

- Có chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp và phải tái khám định kỳ hàng năm.

+ Mỗi người hướng dẫn chuyên môn hướng dẫn tập luyện không quá 20 người trong một buổi tập.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

– Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

– Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2011.

– Thông tư số 16/2012/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Patin. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2013.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

24. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lặn biển giải trí:

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hoá và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hoá và Thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong thời gian hai (02) ngày làm việc, căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hoá và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hoá và Thể thao

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo quy định bao gồm:

• Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

• Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

• Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời gian giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Y tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Đơn đề nghị (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

+ Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

+ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;

+ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

– **Điều kiện cơ sở vật chất, khu vực, phương tiện và thời gian tổ chức hoạt động lặn biển thể thao giải trí**

+ Cơ sở vật chất, khu vực tổ chức lặn biển của cơ sở thể thao tổ chức lặn biển:

• Khu vực lặn biển phải có đầy đủ hệ thống phao tiêu, biển báo được định vị phù hợp với tọa độ trên hải đồ đã được cho phép. Phao tiêu, biển báo phải có màu sắc tương phản với màu nước và cảnh quan môi trường để dễ quan sát;

• Có khu vực tập kết phương tiện thủy và neo đậu phương tiện thủy;

• Có phòng thay đồ, gửi đồ, nhà tắm, khu vực vệ sinh, để xe;

• Có sổ theo dõi người tham gia lặn biển bao gồm những nội dung chủ yếu: họ và tên người lặn, số chứng minh nhân dân, tình trạng sức khỏe, địa chỉ và số điện thoại liên hệ khi cần thiết;

• Có bảng nội quy treo ở nơi dễ quan sát quy định giờ tập luyện, hướng dẫn đảm bảo an toàn cho người lặn, bảo vệ tài nguyên môi trường biển, các hành vi bị nghiêm cấm.

+ Phương tiện thủy phải đáp ứng đầy đủ các quy định pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

+ Thời gian tổ chức hoạt động phải phù hợp với thời tiết, khí hậu của từng vùng biển, vùng lãnh hải theo quy định của pháp luật.

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể về khu vực và thời gian tổ chức hoạt động lặn biển thể thao giải trí trên địa bàn.

– **Điều kiện về trang thiết bị, dụng cụ lặn biển**

+ Có trang thiết bị, dụng cụ lặn biển bao gồm:

- Trang bị bảo hộ cá nhân dành cho khách lặn: Máy nén khí, bình khí nén, đồng hồ định vị, đồng hồ đo áp lực, đồng hồ đo độ sâu, đồng hồ đo nhiệt độ, đồng hồ đo thời gian lặn, quần áo lặn, thắt lưng chì, chân vịt, kính lặn, ống thở, hệ thống van, đường ống dẫn khí đến miệng thở và một số trang thiết bị khác;

- Hệ thống thông tin liên lạc, phao cứu sinh;

- Dụng cụ và túi thuốc sơ cấp cứu ban đầu, bình ô xy.

+ Các trang thiết bị kỹ thuật lặn biển phải bảo đảm an toàn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

– **Điều kiện về nhân viên chuyên môn**

+ Có huấn luyện viên, hướng dẫn viên bảo đảm yêu cầu sau đây:

- Huấn luyện viên:

(1) Có giấy chứng nhận chuyên môn lặn biển do Tổng cục Thể dục thể thao hoặc Hiệp hội thể thao dưới nước Việt Nam hoặc tổ chức lặn biển thể thao giải trí nước ngoài cấp và được Tổng cục Thể dục thể thao công nhận;

(2) Có 2 năm liên tục làm hướng dẫn viên lặn biển giải trí được cơ sở tổ chức lặn biển thể thao giải trí xác nhận.

- Hướng dẫn viên có chuyên môn lặn biển thể thao được Tổng cục Thể dục thể thao hoặc Hiệp hội thể thao dưới nước Việt Nam chứng nhận.

+ Có nhân viên y tế trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên.

+ Có người điều khiển phương tiện thủy và vận hành máy thủy phục vụ lặn biển có bằng lái, chứng nhận chuyên môn theo quy định của pháp luật.

– **Điều kiện về thông tin liên lạc, bảo đảm an toàn khi tổ chức hoạt động lặn biển**

+ Có hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo kết nối liên tục với Trung tâm tìm kiếm, cứu nạn của địa phương hoặc của quốc gia đến các khu vực hoạt động trong phạm vi quản lý của đơn vị.

+ Khi tổ chức hoạt động lặn biển, cơ sở thể thao có trách nhiệm:

- Hướng dẫn người tham gia lặn biển sử dụng bình khí, các thiết bị lặn và phao cứu sinh trước khi cho khách tham gia hoạt động;

- Mua bảo hiểm thân thể cho người tham gia hoạt động lặn biển;

- Xem xét tình trạng sức khỏe của người tham gia lặn biển;

- Bố trí mỗi huấn luyện viên hướng dẫn lặn không quá 02 người trong một lần lặn; mỗi hướng dẫn viên hướng dẫn lặn không quá 01 người trong một lần lặn;

- Khi có người lặn dưới biển, tàu phải treo cờ hiệu để báo hiệu đảm bảo an toàn cho người lặn. Cờ hiệu hình đuôi én, một nửa có màu trắng, một nửa có màu xanh;

- Không để người bị bệnh về tim mạch, huyết áp, bệnh về đường hô hấp, những người uống rượu, bia hoặc dùng chất kích thích tham gia lặn biển.

- + Người tham gia hoạt động lặn biển có trách nhiệm khai báo tình trạng sức khỏe theo quy định của cơ sở và chịu trách nhiệm về khai báo của mình.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007.

- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/ 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.

- Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2007.

- Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2011.

- Thông tư số 14/2015/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện chuyên môn của cơ sở tổ chức hoạt động lặn biển thể thao giải trí. Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/02/2016.

- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014

của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp/doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.....(tên môn thể thao)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... (đối với trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại :..... Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

4. Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

5. Địa chỉ nơi kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp phép:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày..... tháng.... năm.....

7. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp.....để kinh doanh hoạt động thể thao(tên hoạt động thể thao/môn thể thao).

8. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngàytháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao môn:

Kính gửi: (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận)

- Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh của(tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận) như sau:

1. Đội ngũ cán bộ, nhân viên:

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng cán bộ, nhân viên (Danh sách trích ngang kèm theo)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Mô tả về cơ sở vật chất:

- Thống kê trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động thể thao tại cơ sở (Bản kê khai kèm theo)

3. Nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Đảm bảo duy trì và nâng cấp các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Mặt trước:

**TÊN CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**
(hoặc tên cơ quan được ủy
quyền cấp Giấy chứng
nhận)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN... .., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên tổ chức được cấp giấy chứng nhận (viết bằng chữ in hoa):
.....
Tên giao dịch (nếu có):
Tên viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
Giới tính: Chức danh:
Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số :
Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
tháng..... năm.....
5. Được phép kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể loại hình hoạt động
thể thao/môn thể thao).....tại địa chỉ

CƠ QUAN CẤP GCN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong giấy chứng nhận này. Nếu mất giấy chứng nhận, phải thông báo ngay cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết.
2. Giấy chứng nhận phải để tại trụ sở kinh doanh, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại ngay giấy chứng nhận cho cơ quan cấp giấy chứng nhận để tiện cho việc quản lý.

25. Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của Thành phố gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hoá và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Sở Văn hoá và Thể thao tiếp nhận trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tổ chức Giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của Thành phố. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Thành phố có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, nếu không cho phép phải nêu rõ lý do.

– Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân Thành phố, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại trụ sở Sở Văn hoá và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ mục đích tổ chức, nguồn tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật (theo mẫu);

+ Điều lệ giải thể thao;

+ Danh sách ban tổ chức giải thể thao;

+ Chương trình thi đấu và các hoạt động khác của giải thể thao;

+ Tên giải thi đấu; huy chương, huy hiệu, cờ hiệu, biểu tượng của giải.

– Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

– Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu điều kiện: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2007.

– Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực từ ngày 03/8/2007.

– Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/02/2015.

MẪU SỐ 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch tỉnh, thành phố
trực thuộc trung ương môn.....năm 20.....**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Giám đốc
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố...(đối với
trường hợp Sở được ủy quyền)

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Fax:

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Giám đốc Sở Văn hóa,
Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố... xem xét, cho phép đăng cai tổ chức giải vô
địch môn..... tỉnh, thành phố, cụ thể như sau:

- Mục đích tổ chức:
- Nguồn tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị:
- Nội dung giải (tên, quy mô, số lượng, nội dung thi đấu):
- Thời gian tổ chức giải: từ ngày...tháng...năm... đến ngày... tháng... năm...
- Địa điểm:.....

4. Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định về tổ chức giải theo quy định của pháp
luật;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề
nghị ./.

....., ngàytháng..... năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

Ký, đóng dấu, họ tên, chức vụ (nếu là tổ chức); ký, ghi rõ
họ tên (nếu là cá nhân)

B. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Lĩnh vực Thể thao

1. Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở. Trường hợp không công nhận thì phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Quyết định thành lập;

+ Danh sách Ban chủ nhiệm;

+ Danh sách hội viên;

+ Địa điểm luyện tập;

+ Quy chế hoạt động.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận hoặc văn bản thông báo không công nhận có nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.
- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2007.
- Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể thao cơ sở. Có hiệu lực từ ngày 25 tháng 01 năm 2012.